

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 01 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Văn Sáng.

2. Ông Phạm Công Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công V, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Lâm Thị H, sinh năm 1982. Nơi đăng ký thường trú: Thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Thôn 12, xã LX, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn 12, xã LX, huyện TN, thành phố Hải Phòng (mẹ đẻ của chị Lâm Thị H). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Văn Bình – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945. Địa chỉ: Thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xã AS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 4, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt;

Anh Nguyễn Đoàn K, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945; Địa chỉ: Thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đoàn K (Văn bản ủy quyền cùng ngày 15 tháng 12 năm 2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Toại – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Toại thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị L. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Nguyễn Công V và chị Lâm Thị H kết hôn với nhau vào năm 2004, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi chị Lâm Thị H sinh con đã mắc bệnh tâm thần phân liệt, anh Nguyễn Công V cũng đã tận tình chăm sóc chữa bệnh cho chị Lâm Thị H nhưng không khỏi, chị Lâm Thị H đã về ở hẳn cùng với bố mẹ đẻ từ năm 2012 đến nay. Khi chị Lâm Thị H tỉnh táo, anh Nguyễn Công V khuyên bảo chị Lâm Thị H về nhưng chị Lâm Thị H không về hoặc chị Lâm Thị H về thì bệnh tình lại tái phát. Nay, anh Nguyễn Công V nhận thấy khả năng đoàn tụ

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Lâm Thị H. Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Công V1, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2004. Hiện nay con do anh Nguyễn Công V nuôi. Khi ly hôn, anh Nguyễn Công V đề nghị được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Công V không đề nghị Tòa án giải quyết. Trong quá trình chung sống, anh Nguyễn Công V và chị Lâm Thị H xây dựng 01 ngôi nhà 1,5 tầng, mái lợp ngói đỏ trên đất của bố mẹ đẻ anh Nguyễn Công V. Ngoài ra, không có tài sản hay công nợ nào chung. Khi ly hôn anh Nguyễn Công V đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Ý kiến và đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị đơn, bà Đỗ Thị S trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Lâm Thị H. Chị Lâm Thị H và anh Nguyễn Công V kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện như anh Nguyễn Công V trình bày là đúng. Sau khi sinh con vào tháng 11 năm 2004 được 01 tháng sau, sức khỏe của chị Lâm Thị H không được tốt, gia đình đã cho chị Lâm Thị H đi khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần từ đó đến nay. Chị Lâm Thị H ở cùng với mẹ đẻ thì tình trạng bệnh tốt hơn ở cùng với chồng con nên gia đình đã đưa chị Lâm Thị H về chăm sóc mấy năm nay. Về con chung, chị Lâm Thị H và anh Nguyễn Công V có 01 con chung tên Nguyễn Công V1, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2004, hiện nay con chung đã ở cùng anh Nguyễn Công V, do điều kiện sức khỏe của chị Lâm Thị H nên đề nghị để anh Nguyễn Công V tiếp tục được nuôi con. Về tài sản chung, chị Lâm Thị H và anh Nguyễn Công V có tài sản chung như anh Nguyễn Công V trình bày là đúng, khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Công V. Anh Nguyễn Công V và chị Lâm Thị H kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KS. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhà chồng được mấy tháng thì chuyển về thửa đất số 203, tờ bản đồ 03, địa chỉ: thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận số AI 226745 ngày 15/6/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị N, xây nhà ở. Chồng bà Nguyễn Thị N là Nguyễn Văn C, mất năm 2005. Bà và ông C có 05 người con là Nguyễn Đoàn K, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị L và Nguyễn Công V. Nay anh Nguyễn Công V và chị Lâm Thị H ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết trả lại đất cho bà nhưng do hiện nay bà chưa có nhu cầu sử dụng nên để cho anh Nguyễn Công V mượn sử dụng, còn tài sản anh Nguyễn Công V và chị Lâm Thị H xây trên đất thì anh Nguyễn Công V có trách nhiệm thanh toán tiền cho chị Lâm Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đoàn K thống nhất trình bày: Tài sản chung là nhà ở của anh Nguyễn Công V, chị Lâm Thị H xây dựng trên đất của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N, nay ông C đã chết thì bà N toàn quyền quyết định. Do công việc bận nên ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N tham gia tố tụng tại Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Bùi Văn Bình trình bày: Về quan hệ hôn nhân, đồng ý với đề nghị của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn vì mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn. Về con chung, chấp nhận đề nghị của nguyên đơn vì bị đơn không có khả năng nuôi con. Về tài sản chung, xác định vợ chồng có tài sản chung như nguyên đơn trình bày là đúng, ngoài ra không có tài sản chung nào khác. Đề nghị Tòa án xem xét đến hoàn cảnh của bị đơn sau khi ly hôn sẽ khó khăn hơn nguyên đơn nên đề nghị chia cho bị đơn phần nhiều hơn nguyên đơn. Giao tài sản chung cho nguyên đơn sở hữu và nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bị đơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Văn Toại trình bày: Diện tích đất là tài sản thuộc sở hữu chung của hộ bà Nguyễn Thị N, trong đó có một phần của chị Nguyễn Thị L. Diện tích đất chưa chia tách cho ai, chưa cho vợ chồng anh Nguyễn Công V, chị Lâm Thị H. Do vậy diện tích đất trên đề nghị Tòa án không được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Giao con cho nguyên đơn nuôi. Tài sản chung giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Bản sao Chứng minh nhân dân và bản sao Sổ hộ khẩu gia đình của anh Nguyễn Công V, Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, Bản sao chứng minh nhân dân của chị Lâm Thị H, sổ điều trị tâm thần của chị Lâm Thị H, Quyết định số 166 cử luật sư tham gia tố tụng,

thẻ luật sự của ông Nguyễn Văn Toại, các giấy ủy quyền, quyết định điều chỉnh trợ cấp của chị Nguyễn Thị L, trích lục khai tử của ông Nguyễn Văn C, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản sao giấy khai sinh và sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị H, quyết định cử trợ giúp viên pháp lý; Biên bản xác minh ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã KS; Biên bản xác minh ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã LX.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị anh Nguyễn Công V và chị Lâm Thị H được xác lập vào năm 2004 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Nguyên nhân là do chị Lâm Thị H bị bệnh tâm thần phân liệt, anh Nguyễn Công V đã tận tình chăm sóc chữa bệnh cho chị Lâm Thị H nhưng không khỏi, chị Lâm Thị H đã về ở hẳn cùng với bố mẹ đẻ từ năm 2012 đến nay. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của anh Nguyễn Công V là phù hợp Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác định vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Công V1 sinh ngày 29 tháng 11 năm 2004. Hiện nay anh Nguyễn Công V đang nuôi con và khi ly hôn anh Nguyễn Công V mong muốn được nuôi con. Việc nuôi con của anh Nguyễn Công V đã ổn định, cháu Nguyễn Công V1 có nguyện vọng được ở với cha. Do đó giao con cho anh Nguyễn Công V nuôi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Xác định căn nhà 1,5 tầng, công trình phụ, sân, cổng, tường bao đầy đủ là tài sản chung của vợ chồng anh V chị H. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác, không cho ai vay nợ, không nợ ai. Tài sản trên được xây dựng trên diện tích thửa đất số 203, tờ bản đồ 03, địa chỉ: thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện TN cấp Giấy chứng nhận số AI 226745 ngày 15 tháng 6 năm 2007 cho hộ bà Nguyễn Thị N. Bà N không đồng ý cho vợ chồng anh V chị H diện tích đất trên. Do vậy khi

chia tài sản chung của vợ chồng không có căn cứ chia bằng hiện vật. Theo Kết luận định giá tài sản ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự, tài sản có tổng giá trị là 187.200.000 đồng. Do sau khi ly hôn anh V phải tiếp tục nuôi con do vậy không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc chia phần giá trị về tài sản chung nhiều hơn cho bị đơn. Xác định tài sản chung được chia đôi. Căn cứ vào thực tế sử dụng tài sản, nhu cầu sử dụng tài sản nên giao tài sản chung của vợ chồng cho anh V được sở hữu đồng thời anh V phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H số tiền 93.600.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Nguyễn Công V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 4.680.000 đồng án phí dân sự. Miễn toàn bộ án phí chia tài sản cho chị Lâm Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công V được ly hôn chị Lâm Thị H.
2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Công V nuôi con chung tên Nguyễn Công V1 sinh ngày 29 tháng 11 năm 2004. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Công V được sở hữu căn nhà 1,5 tầng, công trình phụ, sân, cổng, tường bao đầy đủ (được xây dựng trên diện tích thửa đất số 203, tờ bản đồ 03, địa chỉ: thôn 6, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận số AI 226745 ngày 15 tháng 6 năm 2007 cho hộ bà Nguyễn Thị N). Anh Nguyễn Công V có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho chị Lâm Thị H số tiền 93.600.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Công V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 4.680.000 đồng án phí dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005557 ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Công V còn phải nộp 4.680.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã KS;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn